

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày 17-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Thống;

2- Ông Trần Ngọc Thái.

- Thư ký phiên Toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Nông Văn Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 3 năm 1994, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: **Tổ L, phường H, tỉnh Tuyên Quang**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Nguyễn Văn T1** (đã chết) con bà: **Nông Thị X**, sinh năm 1973; vợ **Phan Thị T2**, sinh năm 1996; con: bị cáo có một con sinh năm 2019. Hiện vợ, con đều trú tại **tổ L, phường H, tỉnh Tuyên Quang**; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại quyết định số 25/QĐ-SPHC ngày 13 tháng 12 năm 2023 bị phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh Y** xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị tạm giam từ 27/08/2025, bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh L**; “có mặt”.

2. Phan Quang A, tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 3 năm 1992, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: **thôn I, xã L, tỉnh Lào Cai**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Phan Quang T3**, sinh năm 1960 con bà: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không, bị cáo hiện đang bị áp dụng ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại **thôn I, xã L tỉnh Lào Cai**; “có mặt”.

3. Người bị hại: anh **Vi Minh H**, sinh năm 2006; địa chỉ **thôn G, xã L, tỉnh Lào Cai**; “vắng mặt”.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Vi Minh S**, sinh năm 2003; địa chỉ **thôn G, xã L, tỉnh Lào Cai**; “vắng mặt”.
- Anh **Nguyễn Tuấn Anh T4**, sinh năm 1989; địa chỉ **thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai**; “vắng mặt”.
- Chị **Nông Thị X**, sinh năm 1973; địa chỉ: **tổ L, phường H, tỉnh Tuyên Quang**; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2019, anh **Vi Minh S**, sinh năm 2003, trú tại **tổ G, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã L, tỉnh Lào Cai)** mua xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, biển số 21C1 - 260.46 để làm phương tiện đi lại. Đến tháng 02/2022, do phải đi chấp hành án phạt tù nên **Vi Minh S** có giao lại xe mô tô của mình cho em trai là **Vi Minh H**, sinh năm 2006, trú tại **tổ G, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã L, tỉnh Lào Cai)** quản lý. Ngày 25/4/2023, **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1994, trú tại **thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang (nay là tổ L, phường H, tỉnh Tuyên Quang)** hỏi mượn xe mô tô trên của **Vi Minh H** và giấy chứng nhận đăng ký xe để về Hà Giang thăm mẹ và được **H** đồng ý. Sau khi mượn được xe, **Nguyễn Xuân T** mới nảy sinh ý định mang xe đến nhà **Phan Quang A**, sinh năm 1992, trú tại **tổ I, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là thôn I, xã L, tỉnh Lào Cai)** để cầm cố. Khi thấy giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên **Vi Minh S**, **Quang A** có hỏi **T** về nguồn gốc chiếc xe này thì được **T** nói xe là **T** mượn của bạn, do cần tiền nên muốn cầm cố mấy hôm rồi chuộc lại trả cho bạn. **T** và **Quang A** thống nhất với nhau cầm cố xe mô tô biển số 21C1 - 260.46 với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi xuất cầm cố là 3.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày và 10 ngày **T** phải trả lãi một lần với số tiền cần trả là 1.200.000 đồng. Số tiền có được từ việc cầm cố xe **T** chi tiêu cá nhân hết. Khi **H** yêu cầu trả lại xe thì **T** nói dối là do vi phạm giao thông nên bị **Công an H1** giữ xe, cần có tiền nộp phạt thì mới lấy xe ra được, nhưng hiện **T** không có tiền nên xin **H** thời gian để thu xếp tiền nộp phạt lấy xe về trả cho **H**.

Ngày 15/5/2023 **T** đã chuyển khoản số tiền 2.400.000 đồng cho **Quang A** để thanh toán tiền lãi 20 ngày (từ ngày 25/4/2023 đến ngày 15/5/2023). Sau đó, do không còn tiền nên **T** không trả cho **Quang A** nữa. Đến cuối tháng 06/2023, khi biết **S** sắp chấp hành án xong trở về nên **H** đã yêu cầu **T** trả lại xe, lúc này **T** mới nói cho **H** biết việc **T** đã cầm cố xe cho **Phan Quang A** rồi **T** cắt liên lạc và bỏ vào **miền N** sinh sống. Khi biết **T** cầm cố xe của mình, **H** có gọi điện để hỏi **Quang A** thì được **Quang A** xác nhận là đúng. **Quang A** liên lạc với **T** để bảo **T** thanh toán tiền để lấy xe về trả cho **H** nhưng không liên lạc được, do lo sợ khi bị **H** đòi lại xe thì sẽ không thu lại được số tiền đã cho **T** vay nên ngày 01/7/2023 **Quang A** đã bán chiếc xe trên cho **Nguyễn Tuấn Anh T4** sinh năm 1989, trú tại **Tổ D, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên**

Bái với giá 54.000.000 đồng. Khi bán xe cho **T4, Quang A** không nói cho **T4** biết về nguồn gốc thật của xe mô tô mà chỉ nói đây là xe của bạn nhờ bán hộ.

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định khoảng giữa tháng 8/2025 khi **T** ở Hà Nội, **T** sử dụng mạng xã hội **T5** để tìm kiếm và mua được của một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy dạng cỏ với giá 160.000 đồng. Sau khi mua **T** sử dụng bằng cách sử dụng điều cày để hút như hút thuốc Lào, trước ngày 27/8/2025 **T** đã sử dụng hết số ma túy đã mua được. Kết quả test ma túy của **T** tại **Trại giam S1, Công an tỉnh L** xác định: **T** dương tính với ma túy.

Quá trình điều tra bà **Nông Thị X**, sinh năm 1973, trú tại **tổ L, phường H, tỉnh Tuyên Quang** là mẹ đẻ của bị can **Nguyễn Xuân T** đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của **T**.

*** Kết luận định giá tài sản trong vụ án:**

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện L** kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH125, màu sơn đỏ - đen, biển số 21C1-260.46 có giá trị tại thời điểm ngày 25/4/2023 là 65.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 614/KL - KTHS ngày 29/9/2025 của **Phòng K - Công an tỉnh L** kết luận: 80 (tám mươi) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS – KV2 ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai truy tố bị cáo **Nguyễn Xuân T** về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo **Phan Quang A** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

***Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 175; Điều 35; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt **Nguyễn Xuân T** từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Tuyên bố bị cáo **Phan Quang A** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt **Phan Quang A** từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017: Xử lý theo quy định của pháp luật. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định;

- Bị cáo **T** thừa nhận hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo **Quang A** khai nhận hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Lời sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh L**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2] Về hành vi chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa **Nguyễn Xuân T**, **Phan Quang A** thừa nhận hành vi của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Ngày 25/04/2023 **Nguyễn Xuân T** sau khi mượn xe mô tô biển số 21C1 - 260.46 của **Vi Minh H**, **T** đã không sử dụng xe mô tô đúng mục đích, không trả xe đúng thời hạn mà đã mang xe mô tô đi cầm cố cho **Phan Quang A** được số tiền là 40.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại xe mô tô cho **Vi Minh H**. Với giá trị tài sản chiếm đoạt tại thời điểm định giá ngày 25/4/2023 là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Đối với **Phan Quang A**: Mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 21C1 - 260.46 từ **T**, **Quang A** biết rõ xe mô tô không thuộc quyền sở hữu của **T**, **T** không có quyền định đoạt đối với xe mô tô này. Sau khi được **Vi Minh H** nói cho biết về việc **H** chỉ cho **T** mượn xe chứ không cho **T** mang xe đi Cầm cố. Sau khi **Quang A** gọi điện **T** không nghe máy và biết tin **T** bỏ trốn thì **Quang A** nhận thức rõ xe mô tô nhận cầm cố của **T** là tài sản do phạm tội mà có. Do lo sợ mất số tiền đã cho **T** cầm cố, nên ngày 01/7/2023 **Quang A** đã bán chiếc xe trên cho **Nguyễn Tuấn Anh T4** với số tiền 54.000.000 đồng.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo **T** đã xâm phạm các tội phạm về quyền sở hữu tài sản, nhưng cố ý thực hiện; Hành vi của bị cáo **T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo **Q** anh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình

sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo **T**; ít nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo **Quang A**, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đã tiếp tay cho những đối tượng Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo **T** đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng không lấy đó làm bài học, mà tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, chưa có ý thức tự giáo dục bản thân. Bị cáo **Quang A** có nhân thân tốt.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Xuân T** và **Phan Quang A** đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Quang A** được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ nhận định nêu trên cần xét xử bị cáo **T**, **Quang A** hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo **Quang A** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong việc áp dụng pháp luật hình sự. Mặt khác do bị cáo **Quang A** có nơi cư trú rõ ràng; có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, do đó áp dụng chế định này đối với bị cáo **Quang A**, xử phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn bảo đảm việc giáo dục bị cáo.

[7] Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **T**, bị cáo **Quang A** không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với **Quang A** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Hon da, số loại SH125, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 21C1 - 260.46 xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 022605 mang tên **Vi Minh S**. Quá trình điều tra xác định tài sản hợp pháp của anh **Vi Minh S**, sinh năm 2003, trú tại **tổ G, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là thôn G, xã L, tỉnh Lào Cai)** không liên quan đến hành vi phạm pháp luật nào khác. Do đó ngày 29/12/2023 Cơ quan CSĐT **Công an huyện L**, tỉnh Yên Bái đã trả lại tài sản này cho anh **S** là đúng quy định.

Đối với vật chứng, tài sản còn lại:

Trả bị cáo **Quang A** số tiền 40.000.000 đồng được niêm phong vào trong 01 phong bì do **Phòng K Công an tỉnh Y** phát hành (sau khi giám định) do bị cáo **T** khắc phục hậu quả.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Huyện L**, tỉnh Yên Bái trả lại xe mô tô biển số 21C1 - 260.46 **Vi Minh S**, và **Vi Minh H** không có yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề bồi thường dân sự.

Đối với **Nguyễn Tuấn Anh T4** đã được bị can **Phan Quang A** hoàn trả số tiền 54.000.000 đồng và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bà **Nông Thị X** không yêu cầu đề nghị **Nguyễn Xuân T** phải trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

[10] Đối với nội dung khác liên quan đến vụ án: Đối với **Phan Quang A** còn có hành vi không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay cầm cố có tài sản với mức cho vay vượt quá lãi xuất theo quy định của Bộ luật dân sự. Cụ thể ngày 25/04/2023, **T** thế chấp chiếc xe mô tô BKS: 21C1 - 260.46 vay **Quang A** số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) với lãi xuất 3.000 đồng (ba nghìn đồng)/ 01 triệu/01 ngày (tương ứng với lãi suất tháng là 109.5%/ năm, gấp 5,475 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự). **Nguyễn Xuân T** đã trả được cho **Phan Quang A** số tiền lãi của 20 ngày (từ ngày 25/4/2023 đến ngày 15/5/2023) với số tiền là 2400.000 đồng.

Số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS là: $0,055\% \times 40.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày} = 440.000 \text{ đồng}$. Số tiền **Q** thu lời bất chính (là số tiền lãi thu được sau khi trừ đi số tiền lãi tối đa theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS): $2.400.000 \text{ đồng} - 440.000 \text{ đồng} = 1.960.000 \text{ đồng}$. Do số tiền thu lời bất chính dưới 30.000.000 đồng nên Hành vi của **Quang A** chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại điều 201 BLHS. Hành vi nêu trên của **T** đã vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 12 Nghị định 144/ND-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** không xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với **Phan Quang A** là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của **Nguyễn Xuân T**: Ngày 05/11/2025 Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh L** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **T** là đúng quy định pháp luật.

Đối với **Nguyễn Tuấn Anh T4**: Vào ngày 01/07/2025 khi mua xe mô tô Biển số 21C1 - 260.46 của bị cáo **Phan Quang A**. Quá trình điều tra xác định anh **T4** không biết tài sản trên là tài sản do **Quang A** phạm tội có được, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** không đề cập xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **T**, Anh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Những chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên và lời trình bày của bị cáo phù hợp với tranh tụng tại phiên tòa và hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Xuân T** phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; bị cáo **Phan Quang A** phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 175; Điều 35; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân T** 03 (ba) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27 tháng 8 năm 2025.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo **T** 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Phan Quang A** 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Phan Quang A** cho Ủy ban nhân dân xã **L**, tỉnh Lào Cai quản lý, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Trả lại bị cáo **Quang A**: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nhưng tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

(Tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 12 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lào Cai).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo **Nguyễn Xuân T**, **Phan Quang A** mỗi bị cáo phải nộp 200.000, đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo **T**, Anh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; chỉ **X** người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh **S** người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 2-Lào Cai;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, **T6**, THS, THAHS.

Nguyễn Đỗ Q1

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 2-Lào Cai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, T6, THS, THAHS.

Nguyễn Đỗ Q1

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Lưu HS, T6, THS, THAHS.

Nguyễn Đỗ Q1

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Người bị hại;
- Lưu HS, T6, THS, THAHS.

Nguyễn Đỗ Q1**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện 02 bản;
- Thi hành án DS huyện;
- Trại giam KM8 (bị cáo);
- Người bị hại;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh

